TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HSST
Ngày: 19-4-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đông Phong-Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Bà Trần Thị Phúc Ân- Phó Trưởng phòng Lao động thương binh và xã hội huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Y HLam-Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở thôn T2, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Trương Văn T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 16/11/1993 tại huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Thôn T3, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn H1, sinh năm 1971 và bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/01/2021, sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 09/01/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, hiện có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Văn T:* Bà Cao Thị Mi Sa-Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn T3, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 05/01/2021, Trương Văn T đi bộ từ nhà ở thôn T3, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai đến nhà chị Nguyễn Thị Thu S cùng thôn để xin lá chanh. Khi đến nhà chị S thấy không có ai nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để sử

dụng cá nhân. Để thực hiện ý định, T đi ra phía sau trèo qua hàng rào lưới B40 đột nhập vào vườn đi tới cửa bếp dùng tay mở chốt rồi đi vào nhà (Do cửa bếp làm bằng lưới B40 nên T luồn tay vào ô lưới để mở chốt). Đột nhập được vào nhà, T đi tới phòng ngủ phía trước trên cùng gần phòng khách để lục soát tìm kiếm tài sản. Nhìn thấy chiếc tủ bằng gỗ cửa không khóa, T mở cửa tủ ra thấy có một hộp giấy màu đen bên trong đựng 01 chiếc nhẫn đeo tay và 02 chiếc vòng đeo tai bằng kim loại vàng, T lấy nhẫn và vòng đeo tai bỏ vào túi quần rồi theo đường cũ trở ra, mở cửa hông hàng rào đi khỏi khuôn viên nhà chị S rồi về thẳng nhà đem tài sản trộm cắp được cất giấu vào trong nệm giường tại phòng ngủ của mình.

Đến khoảng 19 giờ 30 cùng ngày chị S phát hiện nhà bị đột nhập trộm cắp nên báo Công an huyện Đ. Qua công tác sàng lọc đã phát hiện, yêu cầu Trương Văn T về trụ sở làm việc. T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và tự nguyện giao nộp toàn bộ tài sản đã trộm cắp được của chị Nguyễn Thị Thu S cho cơ quan điều tra.

Ngày 06/01/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra quyết định trưng cầu giám định và yêu cầu định giá tài sản. Tại kết luận giám định số 28 ngày 08/01/2021 của Viện khoa học hình sự-Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận:

- 02 (hai) vòng (dạng vòng đeo tai) bằng kim loại màu vàng, hình tròn, mỗi vòng đều có đường kính 4,7cm đều có kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng trung bình của 02 chiếc vòng là 60,9%; tổng khối lượng là 2,71 gam.

- 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, hình tròn, mặt nhẫn có hình hoa văn có đính các hạt màu trắng có kim loại vàng (Au), hàm lượng kim loại vàng là 60,3%, tổng khối lượng là 3,20gam (tính cả các hạt màu trắng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 08/01/2021 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: Giá trị của 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại vàng là 2.867.400 đồng, giá trị của 02 (hai) vòng (dạng vòng đeo tai) bằng kim loại vàng là 2.130.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản mà Trương Văn T đã trộm cắp là: 4.997.400 đồng (bốn triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm đồng).

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ thu giữ và xử lý như sau: 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại vàng, hình tròn, mặt trên của nhẫn có hình hoa văn, tại đường viền hoa văn có đính đá; 02 (hai) vòng bằng kim loại màu vàng, có đường kính 4,7cm trả lại cho chị Nguyễn Thị Thu S.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị Trương Văn T chiếm đoạt, chị Nguyễn Thị Thu S không yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 23/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị can Trương Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trương Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự trong vụ án đã giải quyết xong nên không đề cập giải quyết.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền vì gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Trương Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến gì về cáo trạng đã truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ cũng như lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

Người bào chữa không có tranh luận gì về quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát, nhất trí với các điều khoản của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng mức hình phạt 06 tháng tù, mức hình phạt đầu khung hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự cũng đủ đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời thể hiện tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa trong chính sách hình sự của Nhà nước ta, không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo T vì gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo.

Tại phiên tòa, bị hại không có ý kiến gì về phần bồi thường dân sự, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai công bố bản Cáo trạng, bị cáo Trương Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đối chiếu lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại trong vụ án, phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở pháp lý để xác định: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 05/01/2021, tại thôn T3, xã T1, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, bị cáo Trương Văn T đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà của chị Nguyễn Thị Thu S trộm cắp tài sản gồm 01 (một) nhẫn đeo tay và 02 (hai) vòng đeo tai bằng kim loại vàng tổng trị giá 4.997.400 đồng (bốn triệu chín trăm chín mươi bảy ngàn bốn trăm đồng), chưa kịp tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi đó của bị cáo Trương Văn T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy

tố bị cáo Trương Văn T về tội danh trên là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

[3] Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo là người bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì tham lam, lười lao động, thích hưởng lợi bất chính trên thành quả lao động của người khác nên lợi dụng lúc bị hại vắng nhà đã thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản gây hậu quả xấu làm mất an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện, vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội và mức độ lỗi để thể hiện được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhằm răn đe nâng cao ý thức tuân thủ chấp hành pháp luật cho mọi người dân.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo Trương Văn T không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, năm 2015 bị Công an huyện M, tỉnh Gia Lai ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với mức phạt 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) về hành vi "Xâm hại sức khỏe người khác", đã chấp hành xong quyết định xử phạt vào năm 2015. Lẽ ra bị cáo phải xem đó là bài học cho bản thân nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó, cần phải xử bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo được cải tạo, giáo dục trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình lượng hình cần lưu ý xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cụ thể: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo khi lượng hình được quy định tại điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với quan điểm của người bào chữa về việc đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T được hưởng mức hình phạt 06 tháng tù, mức hình phạt đầu khung hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và tình hình tội phạm trộm cắp hiện nay trên địa bàn huyện Đ ngày càng diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng, Hội đồng xét xử nhận thấy việc cho bị cáo được hưởng mức hình phạt 06 tháng tù, mức hình phạt đầu khung hình phạt tù quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự sẽ không đảm bảo tính giáo dục, cải tạo trừng trị nói riêng đối với bị cáo và không đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và bị hại đã thỏa thuận giải quyết xong, không có yêu cầu hay tranh chấp gì nên nay không phải xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại vàng, hình tròn, mặt trên của nhẫn có hình hoa văn, tại đường viền hoa văn có đính đá; 02 (hai) vòng bằng kim loại màu vàng, có đường kính 4,7cm

cho bị hại chị Nguyễn Thị Thu S. Sau khi nhận lại tài sản, bị hại không yêu cầu giải quyết gì về phần trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về hình phạt bổ sung phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, xét tính chất vụ án và hoàn cảnh của bị cáo thuộc diện gia đình hộ cận nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Trương Văn T 9 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 06/01/2021.

3. Về án phí: Xử buộc bị cáo Trương Văn T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/4/2021) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- VKSND huyện Đ (02 bản);
- Công an huyện Đ (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ (01 bản);
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ THAHS- TA ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Đức